

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYÊN  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/DS-ST  
Ngày: 14 – 4 – 2025  
V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thanh Nhanh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Đào Đắc Cẩm Tú**.

2. Ông **Lâm Kim Mến**.

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Trương Thị Mỹ Hồng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông **Đặng Văn Tài** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025, giữa các đương U:

- N đơn: Ông **Trần Quang S** – Chủ hộ kinh doanh Tân C; địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của N đơn: Bà **Quách Thảo N**, địa chỉ: Ấp A, xã H2, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, (đại diện uỷ quyền, theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 25-10-2024 của nguyên đơn); (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông **Đặng Hoàng U**; (Có mặt).

2. Bà **Trần Thị Cẩm T**; (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh Tân C và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (đại diện theo uỷ quyền) là bà Quách Thảo N đều trình bày:

Từ ngày 18-4-2023 đến ngày 22-8-2024, hộ kinh doanh Tân C do ông Trần Quang S làm chủ hộ có bán công nợ thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Đặng Hoàng U để ông U nuôi tôm, hai bên có làm hợp đồng mua bán vào ngày 01-07-2023 và hợp đồng mua bán vào ngày 02-01-2024 có vợ ông U là bà Trần Thị Cẩm T ký tên, phương thức thanh toán là khi ông U thu hoạch tôm sẽ thanh toán toàn bộ công nợ cho ông S. Tổng số tiền ông U nợ ông S là 421.844.000 đồng (Bốn trăm hai mươi một triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Ông U tiến hành kiểm tra và ký bản đối chiếu xác nhận công nợ khi ông S yêu cầu. Cuối vụ thu hoạch tôm, ông U phải thanh toán hết tiền mua hàng cho ông S, nhưng khi thu hoạch tôm, ông U chỉ thanh toán 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Ông U không thanh toán đúng như thỏa thuận và công nợ cao, ông S có quyền cắt hàng và yêu cầu ông U thanh toán hết số tiền hàng còn nợ cho ông S và do công nợ quá cao nên ông S có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng. Ông S đã nhiều lần làm việc với ông U và cho ông U trả dần mỗi tháng 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng), nhưng ông U hứa hẹn, nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như thỏa thuận.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông U và bà T trả cho ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh Tân C số tiền là 401.844.000 đồng (Bốn trăm lẻ một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) và trả tiền lãi kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn. Yêu cầu ông U và bà T phải thanh toán số tiền nợ một lần ngay sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Trong biên bản lấy lời khai đương sự ngày 28-02-2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng Hoàng U đều trình bày:

Ông Đặng Hoàng U có mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của nguyên đơn, phần nhiều là mua thức ăn nuôi tôm, ít mua thuốc thủy sản. Thức ăn nuôi tôm giá 740.000 đồng/bao, còn thuốc thủy sản bao nhiêu tiền thì ông U không nhớ. Khi nhận hàng thì bên nguyên đơn ghi vào sổ của bên nguyên đơn, ông U thì không ghi sổ nên không nhớ là mua bao nhiêu bao thức ăn, bao nhiêu thuốc thủy sản.

Nguyên đơn đưa ra số lượng bao thức ăn và thuốc thủy sản thì ông U đồng ý với số lượng này. Tuy nhiên, ông U không đồng ý giá bán bao thức ăn mà bên nguyên đơn tính ra, vì khi mua hàng của nguyên đơn, thì bên nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận giá bán thức ăn tôm là 740.000 đồng/bao, nên tính  $586 \text{ bao} \times 740.000 \text{ đồng/bao} = 433.640.000 \text{ đồng}$  cộng tiền nợ thuốc thủy sản là 13.650.000 đồng, nên tổng cộng là 447.290.000 đồng trừ tiền mà ông U trả cho nguyên đơn là

140.736.000 đồng, nên ông U còn nợ nguyên đơn là 306.554.000 đồng (Ba trăm lẻ sáu triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Đây là nợ chung của ông cùng với vợ ông là bà Trần Thị Cẩm T vì chi phí, thu nhập, đầu tư cho việc nuôi tôm này là của vợ chồng ông.

Hai bên có làm hợp đồng mua bán vào các ngày 01-07-2023 và ngày 02-01-2024, bên nguyên đơn với ông U ký tên, còn bà Trần Thị Cẩm T không ký, vì bà T đi làm không có ở nhà. Bên nguyên đơn kêu ông U ký tên thay cho bà T, nên ông U ký giùm cho bà T.

Nay ông U đồng ý trả cho nguyên đơn 306.554.000 đồng (Ba trăm lẻ sáu triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Nhưng do nuôi tôm thua lỗ, hoàn cảnh khó khăn, nên ông U xin trả 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)/năm cho đến khi dứt nợ và xin không trả lãi, vì khi hợp đồng mua bán thì hai bên không thỏa thuận phải trả lãi suất.

*3. Đối với bị đơn bà Trần Thị Cẩm T:* Bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, lấy lời khai nhưng bà T đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

#### *4. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:*

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông S yêu cầu buộc bị đơn ông U, bà T trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh Tân C yêu cầu bị đơn ông Đặng Hoàng U, bà Trần Thị Cẩm T trả nợ tiền mua thức ăn, thuốc và hóa chất nuôi trồng thủy sản nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp Đ, xã H1, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Trần Thị Cẩm T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của các đương sự không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn và bị đơn ông Đặng Hoàng U đều thống nhất là từ ngày 18-4-2023 đến ngày 22-8-2024, hộ kinh doanh Tân C do ông S làm chủ hộ có bán công nợ thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông Đặng Hoàng U để ông U nuôi tôm, hai bên có làm hợp đồng mua bán vào ngày 01-07-2023 và hợp đồng mua bán vào ngày 02-01-2024; ông S đã giao đầy đủ số lượng hàng hóa theo yêu cầu của ông U; ông U với nguyên đơn thống nhất về số lượng bao thức ăn và thuốc thủy sản, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự không phải chứng minh.

[3] Bên nguyên đơn và bị đơn ông Đặng Hoàng U đều thừa nhận, sau khi ký kết hợp đồng, phía ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh Tân C có phân phối thức ăn cùng với thuốc và hóa chất nuôi trồng thủy sản cho ông U; theo ông U trình bày thì ông và vợ là bà Trần Thị Cẩm T cùng làm ăn. Do đó, được xác định số tiền nợ là nợ chung của ông U và bà T theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, ông U không thống nhất về giá, vì cho rằng khi nhận hàng hoá thì N đơn với ông U thống nhất giá khác, thấp hơn giá mà nguyên đơn khởi kiện, nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận và ông U không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của ông U.

[4] Như vậy, có đủ căn cứ xác định ông U, bà T còn nợ ông S - Chủ hộ kinh doanh Tân C số tiền là 401.844.000 đồng (Bốn trăm lẻ một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), nên Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S - Chủ hộ kinh doanh Tân C, buộc ông U và bà T trả cho ông S - Chủ hộ kinh doanh Tân C nợ gốc 401.844.000 đồng (Bốn trăm lẻ một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 430, 434, 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S – Chủ hộ kinh doanh Tân C.

Đồng thời, căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông U và bà T còn phải chịu tiền lãi đối với tiền nợ gốc cho đến khi trả xong nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S – Chủ hộ kinh doanh Tân C được chấp nhận toàn bộ nên trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn ông U và bà T có trách nhiệm trả nợ 401.844.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.073.760 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 430, 434, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh Tân C.

Buộc bị đơn ông Đặng Hoàng U và bà Trần Thị Cẩm T có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh Tân C số tiền nợ gốc là 401.844.000 đồng (Bốn trăm lẻ một triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh Tân C cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là ông Đặng Hoàng U và bà Trần Thị Cẩm T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Đặng Hoàng U và bà Trần Thị Cẩm T phải liên đới chịu án phí là 20.073.760 đồng (Hai mươi triệu không trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

3.2. Ông Trần Quang S – Chủ hộ kinh doanh Tân C không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.037.000 đồng (Mười triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008378 ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn bà Trần Thị Cẩm T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Các đương U;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Cao Thanh Nhanh**